

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Chí

Bà Hà Thị Mai Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh A. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh A. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày: Bà và ông Trần Hoàng M chung sống như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay, gia đình có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, tuy nhiên từ đó đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đám cưới, ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Ông bà có nhiều mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình. Mặt khác, bà nghi ngờ ông M không chung thủy với bà. Thời gian mâu thuẫn, ông bà đã nhiều lần dàn xếp, giải quyết nhưng vẫn không được. Bà C xét thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà C yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông M.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Hoàng V, sinh ngày 04/9/1994 và Trần Thị Diễm T, sinh ngày 13/7/1997, các con hiện đã trưởng thành nên bà C không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Trần Hoàng M trình bày: Ông đồng ý với lời trình bày của bà C về thời gian kết hôn và chung sống. Khoảng thời gian sau khi cưới thì ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng, cự cãi. Bà C nhiều lần giấu ông về chuyện tiền bạc, gia đình bà C cũng đối xử không tốt với ông. Mặc khác, bà C cũng không hiểu và tin tưởng ông. Do đó, ông M xét thấy ông bà không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà C yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Từ khi chung sống đến nay thì ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Hoàng V, sinh ngày 04/9/1994 và Trần Thị Diễm T, sinh ngày 13/7/1997. Các con hiện đã trưởng thành nên ông M không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C và ông Trần Hoàng M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn nhưng không thể giải quyết được. Thời điểm, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà C và ông M vẫn chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”* và tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C với ông Trần Hoàng M.

[3] Về nuôi con chung: 02 con chung tên Trần Hoàng V, sinh ngày 04/9/1994 và Trần Thị Diễm T, sinh ngày 13/7/1997. Các con chung hiện nay đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà C, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Án phí: Bà Lê Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Trần Hoàng M.

[2] Án phí: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006103 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo